

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 21 - 10 - 2021

V/v: Chị Nguyễn Thu Tr xin ly
hôn anh Hà Văn Đ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đức Hiền. Ông Nguyễn Thanh Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Liên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Huyền Trang, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2021 về tranh chấp về “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2021//QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thu Tr**, sinh năm 1981; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình; chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã VP, thành phố T, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Giám sát viên tại Công ty TNHH Một thành viên XX, địa chỉ đóng tại Số 355, phố Lý Bôn, phường Đề Thám, thành phố T, tỉnh Thái Bình. (có mặt)

- Bị đơn: Anh **Hà Văn Đ**, sinh năm 1976; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình; hiện đang chấp hành án phạt tù tại Đội XX, Phân trại số XX, Trại giam Thanh Lâm, tỉnh Thanh Hóa. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 4 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thu Tr trình bày:***

Chị và anh Hà Văn Đ tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 15 tháng 11 năm 2010 tại UBND xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình. Sau kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do chị phát hiện anh Đ nghiện ma túy, thậm chí anh Đ đã từng nghiện ma túy và từng đi tù tù trước khi kết hôn với chị. Khi đó vì thương con, vì danh dự, chị đã bỏ qua cho anh Đ và cùng gia đình động viên, khuyên bảo, tổ chức cai nghiện cho anh Đ nhiều lần nhưng đều không có kết quả. Vì nghiện ma túy, anh Đ thường xuyên tụ tập bạn bè xấu, phó mặc mọi công việc trong gia đình cho chị lo liệu, chị góp ý, anh Đ đánh, chửi chị. Tháng 9 năm 2018, anh Đ bị Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Bình xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tháng 01 năm 2019, trong thời gian chờ chấp hành hình phạt tù của bản án trên, anh Đ lại tiếp tục phạm tội mới và bị Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình xử phạt 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Hiện anh Đ đang chấp hành hình phạt 03 năm 06 tháng tù tại Trại giam Thanh Lâm, tỉnh Thanh Hóa. Trong khoảng thời gian này, mặc dù không còn tình cảm với anh Đ nhưng để trọn nghĩa vợ chồng, thỉnh thoảng chị vẫn lên thăm, tiếp tế cho anh Đ. Nay chị xác định sức chịu đựng con người cũng có hạn, chị đã đánh mất cả tuổi thanh xuân khi sống bên người chồng nghiện ngập, kể từ khi biết anh Đ nghiện ma túy chị đã rất thất vọng, mất hết niềm tin vào anh Đ, nay tình cảm vợ chồng không còn, chị cương quyết xin ly hôn anh Đ, chị không chấp nhận đoàn tụ.

Chị và anh Hà Văn Đ có hai con chung là Hà Gia B, sinh ngày 26 tháng 5 năm 2011 và Hà Thị Kim Ng, sinh ngày 18 tháng 2 năm 2016. Ly hôn, vì hai con hiện đang ở cùng chị, chị có công việc, có thu nhập, có đủ điều kiện để nuôi con. Về phía anh Đ, sau thời gian chấp hành án phạt tù trở về địa phương, anh Đ cũng cần có thời gian để cân bằng cuộc sống, tìm việc làm, nếu anh Đ nuôi con thì cuộc sống của các con sẽ không đảm bảo. Do vậy, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu anh Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho hai con chung cùng chị.

Chị và anh Hà Văn Đ không có tài sản chung, không đi vay và không cho ai vay nợ chung, chị không đề nghị Tòa án giải quyết về chia tài sản chung.

**** Tại bản tự khai và đơn xin gia hạn điều đề ngày 02 tháng 7 năm 2021 có xác nhận của Ban Giám thị Trại giam Thanh Lâm, bị đơn anh Hà Văn Đ trình bày:***

Anh và chị Nguyễn Thu Tr kết hôn vào ngày 15 tháng 11 năm 2010 tại UBND xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình. Sau kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc và đến thời điểm trước khi anh đi tù cũng không có mâu thuẫn gì. Anh vẫn còn tình cảm với chị Tr. Do anh đi chấp hành án chị Tr mới xin ly hôn anh. Anh không đồng ý ly hôn, anh muốn sau này anh về giải quyết, anh không đề nghị Tòa án giải quyết khi anh chưa chấp hành xong án phạt tù.

Anh và chị Nguyễn Thu Tr có hai con chung là Hà Gia B, sinh năm 2011 và Hà Thị Kim Ng, sinh năm 2016. Về nuôi con chung, anh đề nghị để sau này anh về giải quyết.

Anh và chị Nguyễn Thu Tr không có tài sản chung, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ.

Anh bị Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Bình và Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình xử phạt 42 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Từ khi anh bị bắt, chị Tr có lên thăm, gửi tiền, gửi quà cho anh. Đến ngày 26 tháng 9 năm 2021 anh sẽ chấp hành xong án phạt tù, anh đề nghị Tòa án kéo dài thời gian ly hôn giữa anh và chị Tr đến khi anh về.

**** Tại biên bản lấy lời khai đề ngày 18 tháng 6 năm 2021, cháu Hà Gia B trình bày:***

Bố đẻ cháu là Hà Văn Đ. Mẹ đẻ cháu là Nguyễn Thu Tr. Hiện cháu đang ở với mẹ. Nếu Tòa án giải quyết cho bố mẹ cháu ly hôn, nguyện vọng cháu xin được ở cùng mẹ.

**** Tại biên bản lấy lời khai đề ngày 22 tháng 7 năm 2021, bà Phạm Thị T (mẹ đẻ chị Nguyễn Thu Tr) trình bày:***

Chị Tr, anh Đ kết hôn với nhau vào năm 2010. Khi anh chị kết hôn, chị Tr và gia đình bà đều không biết anh Đ đã nghiện ma túy và đã từng đi tù. Vì anh chị đã kết hôn, đã có con chung nên gia đình bà khuyên anh Đ quyết tâm cai nghiện nhưng không có kết quả. Nay chị Tr xin ly hôn anh Đ, bà đề nghị Tòa án chấp nhận

vì việc kết hôn với anh Đ là một sai lầm lớn nhất của chị Tr, nếu chị Tr còn ở với anh Đ thì cuộc sống sẽ còn khổ, sẽ không có tương lai và không có hạnh phúc.

Chị Tr, anh Đ có hai con chung là Hà Gia B, sinh năm 2011 và Hà Thị Kim Ng, sinh năm 2016. Nếu anh chị ly hôn, bà đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho chị Tr nuôi dưỡng vì các cháu cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ, anh Đ hiện đang chấp hành án phạt tù, kể cả sau khi ra tù, bà nghĩ anh Đ cũng không có đủ điều kiện để nuôi con. Việc chị Tr nuôi con sẽ có sự quan tâm, hỗ trợ của gia đình bà.

Chị Tr, anh Đ không có nghĩa vụ về tài sản liên quan đến gia đình bà.

**** Tại biên bản xác minh đề ngày 22 tháng 7 năm 2021, bà Phạm Thị H (mẹ đẻ anh Hà Văn Đ) trình bày:***

Chị Tr, anh Đ kết hôn năm 2010 do anh chị tự nguyện tìm hiểu. Sau kết hôn anh chị về sống cùng gia đình bà. Quá trình chung sống giữa anh chị không có mâu thuẫn gì. Anh Đ là người nghiện ma túy và hiện đang đi chấp hành án phạt tù nhưng khi ở nhà anh Đ là người chăm chỉ, chịu thương, chịu khó, yêu vợ, thương con, có hiếu với mẹ, quan hệ tốt với hàng xóm, không phá tán tài sản gia đình, không trộm cắp tài sản của người khác. Khi biết anh Đ nghiện ma túy, chị Tr và gia đình bà đã động viên, giúp anh Đ cai nghiện nhưng do bạn bè xấu rủ rê nên anh Đ lại tái nghiện. Khi anh Đ đi chấp hành án, chị Tr vẫn đi lại thăm nom anh Đ. Khoảng đầu năm 2020, theo bà được biết chị Tr có tình cảm với người khác, đi du lịch nhiều ngày, hay đi chơi qua đêm, hay ra khỏi nhà vào buổi tối. Bà góp ý, chị Tr không nghe. Theo bà, đây là lý do chị Tr xin ly hôn anh Đ. Nay bà đề nghị Tòa án phân tích để chị Tr suy nghĩ lại, quay về đoàn tụ, còn nếu chị Tr vẫn cương quyết xin ly hôn thì tùy chị ấy.

Chị Tr, anh Đ có hai con chung là Hà Gia B, sinh năm 2011 và Hà Thị Kim Ng, sinh năm 2016. Nếu anh chị ly hôn, về con chung của anh chị, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Chị Tr, anh Đ không có nghĩa vụ về tài sản liên quan đến gia đình bà.

**** Tại biên bản xác minh đề ngày 22 tháng 7 năm 2021, đại diện thôn T, đại diện chính quyền địa phương, đại diện Công an xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình, cung cấp:***

Chị Tr, anh Đ đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình vào ngày 15 tháng 11 năm 2010. Trong cuộc sống, anh chị không có xô xát,

đánh chửi nhau đến mức phải nhờ chính quyền địa phương can thiệp. Anh Đ là đối tượng nghiện ma túy từ năm 2003 và thuộc diện quản lý, theo dõi. Anh Đ nhiều lần bị kết án và hiện đang đi chấp hành án phạt tù tại Trại giam Thanh Lâm, tỉnh Thanh Hóa. Nay chị Tr xin ly hôn anh Đ, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Chị Tr, anh Đ có hai con chung là Hà Gia B, sinh năm 2011 và Hà Thị Kim Ng, sinh năm 2016. Nếu anh chị ly hôn, về con chung của anh chị, đề nghị Tòa án xét nguyện vọng của con, điều kiện thực tế của anh chị để giải quyết.

Chị Tr, anh Đ không vay nợ tại tổ chức tín dụng hay đoàn thể tại địa phương.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:***

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội: Xử cho chị Tr được ly hôn anh Đ. Giao cho chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Hà Gia B, sinh ngày 26 tháng 5 năm 2011 và Hà Thị Kim Ng, sinh ngày 18 tháng 2 năm 2016. Chấp nhận việc chị Tr không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng cho hai con chung. Về tài sản, không đặt ra giải quyết. Chị Tr phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Chị Nguyễn Thu Tr khởi kiện xin ly hôn anh Hà Văn Đ, anh Đ đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật

Tổ tụng dân sự, đây là vụ án tranh chấp về “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình.

[1.2] Ngày 12 tháng 8 năm 2021, Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo thủ tục vắng mặt anh Hà Văn Đ. Trình tự, thủ tục phiên họp thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 208, 209, 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Theo đề nghị của chị Nguyễn Thu Tr, căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải.

[1.4] Ngày 08 tháng 9 năm 2021, Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Ngày 30 tháng 9 năm 2021, Tòa án ra Quyết định hoãn phiên tòa. Xét thấy, anh Hà Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên tòa nhưng đều vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án trong trường hợp vắng mặt anh Đ.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thu Tr và anh Hà Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại UBND xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình theo Giấy chứng nhận kết hôn số 48/2010, quyển số 03, ngày 15 tháng 11 năm 2010, là hôn nhân hợp pháp. Về mâu thuẫn giữa chị Tr và anh Đ là có và nguyên nhân chính là do anh Đ nghiện ma túy. Về phía chị Tr xác định chị không còn tình cảm, không còn niềm tin đối với anh Đ, chị cương quyết xin ly hôn, không chấp nhận đoàn tụ. Về phía anh Đ cho rằng giữa anh và chị Tr không có mâu thuẫn, do anh đi chấp hành án nên chị Tr mới xin ly hôn, anh vẫn còn tình cảm với chị Tr, anh không đồng ý ly hôn và đề nghị chờ anh về giải quyết. Căn cứ lời khai của các bên, kết quả xác minh về tình trạng hôn nhân của chị Tr, anh Đ đối với đại diện hai bên gia đình, tại chính quyền địa phương nơi anh chị cư trú, xét thấy: Mâu thuẫn giữa chị Tr và anh Đ đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Tr, xử cho chị Tr được ly hôn anh Đ.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thu Tr và anh Hà Văn Đ có hai con chung là Hà Gia B, sinh ngày 26 tháng 5 năm 2011 và Hà Thị Kim Ng, sinh ngày 18 tháng 2 năm 2016. Xét thấy, các con chung hiện đang ở cùng chị Tr, chị Tr có

công việc, có thu nhập ổn định, có sự hỗ trợ của gia đình trong việc chăm sóc, nuôi dạy các con. Để các con chung của anh chị ổn định cuộc sống, ổn định việc học tập, căn cứ quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao cho chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là phù hợp pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của con Bảo. Việc cấp dưỡng cho các con chung, chị Tr không yêu cầu nên không giải quyết.

[2.3] Về chia tài sản chung: Chị Nguyễn Thu Tr và anh Hà Văn Đ thống nhất trình bày trong quá trình chung sống anh chị không có tài sản chung, không có nghĩa vụ về tài sản, anh chị không có yêu cầu, đề nghị gì, Hội đồng xét xử không giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị Nguyễn Thu Tr phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật, số tiền là 300.000 đồng.

[2.5] Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thu Tr, anh Hà Văn Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thu Tr và anh Hà Văn Đ.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao cho chị Nguyễn Thu Tr trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Hà Gia B, sinh ngày 26 tháng 5 năm 2011 và Hà Thị Kim Ng, sinh ngày 18 tháng 2 năm 2016. Chị Nguyễn Thu Tr không yêu cầu anh Hà Văn Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho hai con chung cùng chị.

2.3. Anh Hà Văn Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Chị Nguyễn Thu Tr và anh Hà Văn Đ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu cấp dưỡng cho con chung khi cần thiết.

3. Về chia tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thu Tr phải chịu 300.000 đồng (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị Tr đã nộp tạm ứng tại Biên lai số 0000854 đề ngày 14 tháng 6 năm 2021 tại Cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thái Bình sang thành tiền án phí. Chị Tr đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thu Tr có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 21 tháng 10 năm 2021). Anh Hà Văn Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thái Bình;
- UBND xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình (CNKH số 48/2010, quyền số 03, ngày 15/11/2010);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Dương

